

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 88.BNHA.2022

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: **CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN GOLDENCARE**

Địa chỉ: số 226-228 Đường 19 Tháng 5B, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại: 02838161555

E-mail: info@saigongoldencare.com

Mã số doanh nghiệp: 0316585316

Số Giấy chứng nhận ISO 22000:2018: **QEC 8809248/22/FSU**. Ngày Cấp: 05/01/2022 Nơi cấp: Công ty TNHH QEC Việt Nam (đối với cơ sở thuộc đối tượng phải cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định).

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: **YẾN SÀO BESTNEST HỘI AN TỔ YẾN CHUNG ĐƯỜNG ĂN KIÊNG**

2. Thành phần: Nước, Tổ yến (18%), Đường isomalt, Chất làm dày (327), Chất ổn định (401), Hương vani tổng hợp dùng trong thực phẩm.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 24 tháng kể từ ngày sản xuất. Ngày sản xuất và hạn sử dụng in trên nhãn sản phẩm.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

Quy cách đóng gói: Đóng gói bằng máy, đóng gói kín. Thể tích thực: 70ml hoặc quy cách khác theo yêu cầu khách hàng, sẽ được thể hiện rõ ràng trên nhãn bao bì.

Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đựng trong hũ thủy tinh. Bao bì phù hợp với quy định về vật liệu bao gói thực phẩm: QCVN 12-4:2015/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với bao bì, dụng cụ làm bằng thủy tinh, gốm, sứ và tráng men tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm (trường hợp thuê cơ sở sản xuất)

Sản xuất tại: **CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN GOLDENCARE**

Địa chỉ nhà máy : Lô B, CCN Phong Năm, xã Phong Năm, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre, Việt Nam.



III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

YẾN SÀO BESTNEST HỘI AN TỔ YẾN CHUNG ĐƯỜNG ĂN KIỀNG

Thành phần: Nước, Tổ yến (18%), Đường isomalt, Chất làm dày (327), Chất ổn định (401), Hương vani tổng hợp dùng trong thực phẩm.

Hướng dẫn sử dụng: Lắc nhẹ trước khi uống, ngon hơn khi uống lạnh.

Hướng dẫn bảo quản: Để nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.

Ngày sản xuất: xem trên bao bì

Hạn sử dụng: 24 tháng kể từ ngày sản xuất

Thông tin cảnh báo: không sử dụng sản phẩm khi có dấu hiệu mở nắp, không sử dụng với người dị ứng các thành phần sản phẩm, không sử dụng sản phẩm khi hết hạn sử dụng. Không sử dụng cho trẻ dưới 12 tháng tuổi.

Thể tích thực: in trên bao bì sản phẩm

Xuất xứ : VIỆT NAM

Sản phẩm của: CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN GOLDENCARE

Địa chỉ: số 226-228 Đường 19 Tháng 5B, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Sản xuất tại: **CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN GOLDENCARE**

Địa chỉ nhà máy : Lô B, CCN Phong Nẫm, xã Phong Nẫm, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre, Việt Nam.

Điện thoại: 02838161555 **Email:** info@saigongoldencare.com

Số TCB: 88.BNHA.2022

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14/04/2017 - “Nghị định về nhãn hàng hóa”.
- QCVN 6-2/2010/BYT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với các sản phẩm đồ uống không cồn.

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/mL	100
2	Coliforms	CFU/mL	10
3	E.coli	CFU/mL	Không có
4	Clostridium perfringens	CFU/mL	Không có
5	Streptococci feacal	CFU/mL	Không có
6	Tổng số bào tử nấm men nấm mốc	CFU/mL	10
7	Pseudomonas aeruginosa	CFU/mL	Không có
8	Staphylococcus aureus	CFU/mL	Không có
9	Chì (Pb)	mg/kg	0,05

- Các chỉ tiêu chất lượng:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Protein	%	≥ 0,1



Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Tp.HCM, ngày 31 tháng 05 năm 2022

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



ĐOÀN LÊ NGỌC PHI LÂN





TKM - HCM

TKM**CÔNG TY CP DV KHCN THẾ KỶ MỚI
NEW CENTURY CORP****PHÒNG THÍ NGHIỆM THỰC PHẨM VÀ MÔI TRƯỜNG**

VILAS 1118



VIMCERTS 172

Số/No.: 2112187-2/KQ

Trang/ Page: 1/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**TEST REPORT**

Mã số/ Code : 2112144/KG

Mã số mẫu/ : 2112403

Sample Code

Tên khách hàng/ Customer : **CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN GOLDENCARE**

Địa chỉ/ Address : 226-228 Đường 19 tháng 5B, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 20/12/2021 Ngày trả kết quả/ Date of issue : 28/12/2021

Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 20/12/2021 – 25/12/2021

Tên mẫu/ Name of sample : **YẾN SÀO BEST NEST HỘI AN TỔ YẾN CHUNG SẴN ĐƯỜNG ĂN KIỀNG**Tình trạng mẫu/ State of sample :
- Mẫu do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
- Mẫu đựng trong hũ thủy tinh kín.PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
Technical Manager

ThS. Hồ Phùng Tâm

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Lê Phương Nhật

Số/No.: 2112187-2/KQ

Trang/Page: 2/2

Mã số/ Code : 2112144/KG

Mã số mẫu/ : 2112403

Sample Code

STT No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM PARAMETERS	ĐƠN VỊ UNIT	PHƯƠNG PHÁP THỬ TEST METHOD	KẾT QUẢ RESULT
1	Protein	%	Ref. TCVN 8125:2015	0,18
2	Chì (Pb)	mg/kg	AOAC 999.11 (*)	KPH (LOD = 0,01)
3	<i>E.coli</i>	CFU/mL	TCVN 7924-2:2008 (*)	<1
4	<i>Coliforms</i>	CFU/mL	TCVN 6848:2007 (*)	<1
5	<i>Staphylococcus aureus</i>	CFU/mL	TCVN 4830-1:2005 (*)	<1
6	<i>Clostridium perfringens</i>	CFU/mL	TCVN 4991:2005 (*)	<1
7	<i>Streptococci faecal</i>	CFU/mL	TKM-TN-240:2019 (*) (Ref. 3351/2001/QĐ-BYT & TCVN 6189-1:2009)	<1
8	<i>Pseudomonas aeruginosa</i>	CFU/mL	TKM-TN-239:2019 (*) (Ref. 3347/2001/QĐ-BYT & TCVN 7138:2013)	<1
9	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/mL	TCVN 4884-1:2015 (*)	8,5×10 ¹
10	Tổng số bào tử nấm men, nấm mốc	CFU/mL	TCVN 8275- 1:2010 (*)	<1

Ghi chú: (*): Phương pháp được Bộ Khoa Học và Công Nghệ công nhận (VILAS - ISO/IEC 17025:2017); (i): Giới hạn định lượng của phương pháp; LOD: Giới hạn phát hiện; KPH: Không phát hiện / (*): Method are accredited by Ministry Of Science and Technology (VILAS - ISO/IEC 17025:2017); (i): Limit of quantification of method; LOD: Limit of detection; KPH: Not detected.

- Theo phương pháp thử, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 10 CFU/g hoặc nhỏ hơn 1 CFU/mL tương ứng "không phát hiện" khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa/ According to the test method, the result is expressed as less than 10 CFU/g or 1 CFU/mL corresponding "Not detected" when the dishes examined contain no colonies.
- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Test results are valid only for test sample.



YÊN SÀO BEST NEST HỘI AN[®]



Thành phần: Nước, Tổ yến (18%), Đường Isomalt, Chất làm dày (327), Chất ổn định (401), Hương vani tổng hợp dùng trong thực phẩm.
Hướng dẫn sử dụng: Lắc nhẹ trước khi uống ngon hơn khi uống lạnh.
Hướng dẫn bảo quản: Để nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.
Hạn sử dụng: 24 tháng kể từ ngày sản xuất.
Ngày sản xuất: xem trên bao bì.
Số công bố: 88/BNHA/2022

Ingredients: Water, Bird nest (18%), Isomalt sugar (15%), Calcium lactate (327), Sodium alginate (401), Vani flavoring for food.
Using instruction: Shake before using taste better cold.
Maintenance: Store in a cool & dry place avoid direct sunlight.
EXP: 24 months from producing date.
MFG: check on packing.
Publication number: 88/BNHA/2022

XUẤT XỨ VIỆT NAM



**Thể tích thực 420 ml
6 Hũ x 70 ml**



**YÊN SÀO BEST NEST[®]
HỘI AN**



TỔ YẾN CHỨNG SẴN ĂN KIÊNG



HÌNH ẢNH MANG TÍNH CHẤT MINH HỌA



**SẢN PHẨM CỦA:
CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN
GOLDENCARE**
Địa chỉ: 226-228 Đường 19 Tháng 5B, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh Việt Nam
Phone: 0979 04 34 64 - 0969 58 43 43
028 38 161 555 - 028 38 161 444
Website: yensaobestnest.com
Email: info@saigonggoldencare.com

Sản xuất tại:
**CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN
GOLDENCARE**
Địa chỉ: Lô B, CCN Phong Năm, Xã Phong Năm, Huyện Giồng Trôm, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam

*** **Thông tin cảnh báo:** không sử dụng sản phẩm khi có dấu hiệu mở nắp, không sử dụng với người dị ứng các thành phần sản phẩm, không sử dụng sản phẩm khi hết hạn sử dụng.
*** **Warning information:** do not use the product when there are signs of opening the lid, do not use with people who are allergic to product ingredients, do not use the product after the expiration date.



BESTNEST HỘI AN[®]



**NEST
18%**

**Volume 420 ml
6 Bottles x 70 ml**

BIRD'S NEST WITH DIETARY SUGAR

Số/No.: 2407051-2/KQ
Trang/ Page: 1/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Mã số/ Code : 2406282/KG
Mã số mẫu/ : 2406706
Sample Code

Tên khách hàng/ Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN GOLDENCARE

Địa chỉ/ Address : 226-228 Đường 19 tháng 5B, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 28/06/2024 Ngày trả kết quả/ Date of issue : 05/07/2024

Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 28/06/2024 – 04/07/2024

Tên mẫu/ Name of sample : YẾN SÀO BESTNEST HỘI AN TỔ YẾN CHƯNG ĐƯỜNG ĂN KIỀNG

Tình trạng mẫu/ State of sample : - Mẫu do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
- Mẫu đựng trong hũ thủy tinh kín.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
Technical Manager

ThS. Hồ Phùng Tâm

GIÁM ĐỐC
Director



Nguyễn Lê Phương Nhật

Số/No.: 2407051-2/KQ

Trang/ Page: 2/2

Mã số/ Code : 2406282/KG

Mã số mẫu/ : 2406706

Sample Code

STT No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM PARAMETERS	ĐƠN VỊ UNIT	PHƯƠNG PHÁP THỬ TEST METHOD	KẾT QUẢ RESULT
1	Protein (N×6,25)	g/100g	TKM-TN-204:2022 (*) (Ref. Fao Food 14/7, page 221-223)	0,10
2	Chì (Pb)	mg/kg	AOAC 999.11 (*)	KPH (LOD = 0,01)
3	<i>Escherichia coli</i> dương tính <i>β-glucuronidase</i>	CFU/ml	TCVN 7924-2:2008 (*)	<1
4	<i>Coliforms</i>	CFU/ml	TCVN 6848:2007 (*)	<1
5	<i>Staphylococcus aureus</i>	CFU/ml	TCVN 4830-1:2005 (*)	<1
6	<i>Clostridium perfringens</i>	CFU/ml	TCVN 4991:2005 (*)	<1
7	<i>Streptococci faecal</i>	CFU/ml	TKM-TN-240:2023 (*) Ref. TCVN 6189-2:2009 (ISO 7899-2:2000)	<1
8	<i>Pseudomonas aeruginosa</i>	CFU/ml	TKM-TN-239:2023 (*) Ref. TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2010)	<1
9	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/ml	TCVN 4884-1:2015 (*)	9,0×10 ¹
10	Tổng số bào tử nấm men, nấm mốc	CFU/ml	TCVN 8275-1:2010 (*)	<1

Ghi chú: (*): Phương pháp thử được Văn phòng Công nhận Chất lượng công nhận theo ISO/IEC 17025:2017; (i): Giới hạn định lượng của phương pháp; LOD: Giới hạn phát hiện; KPH: Không phát hiện / (*): Test method are accredited by Quality Accreditation Office ISO/IEC 17025:2017; (j): Limit of quantification of method; LOD: Limit of detection; KPH: Not detected.

- Theo phương pháp thử, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 10 CFU/g hoặc nhỏ hơn 1 CFU/mL tương ứng "không phát hiện" khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa/ According to the test method, the result is expressed as less than 10 CFU/g or 1 CFU/mL corresponding "Not detected" when the dishes examined contain no colonies.

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Test results are valid only for test sample.